

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn,
bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại văn bản số 1329/SNV-XDCQ ngày 26 tháng 8 năm 2013 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 144/BC-STP ngày 15 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 515/2007/QĐ-UBND ngày 08/02/2007 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 941/2009/QĐ-UBND ngày 03/4/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 515/2007/QĐ-UBND ngày 08/02/2007 và Quyết định số 516/2007/QĐ-UBND ngày 08/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./. **TC**

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- V3, VX1, TH1;
- Lưu: VT, TH1.

50b H-QĐ270

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Thị Thu Thủy

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, bản, khu phố
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **2555**/2013/QĐ-UBND
ngày **24** /9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Thôn, bản, khu phố

1. Thôn, bản, khu phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (sau đây xã, phường, thị trấn gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản và tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ của cấp trên giao.

2. Thôn, bản được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn, bản.

3. Khu phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là khu phố.

Điều 3. Tổ nhân dân (xóm) trực thuộc thôn, bản, khu phố

Mô hình Tổ nhân dân (xóm) trực thuộc thôn, bản, khu phố thực hiện theo chủ trương chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 440-TB/TU ngày 21/11/2011 và chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 5071/UBND-TH1 ngày 12/12/2011 theo nguyên tắc như sau:

1. Tiếp tục duy trì mô hình Tổ nhân dân (xóm) trực thuộc thôn, bản, khu phố đã được thành lập và đang hoạt động ổn định trên địa bàn một số địa phương trong tỉnh.

2. Đối với các thôn, bản, khu phố có quy mô dân số lớn, địa bàn rộng, không tập trung có thể thành lập Tổ nhân dân (xóm) trực thuộc. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có nhu cầu thành lập Tổ nhân dân (xóm) trực thuộc thôn, bản, khu phố nghiên cứu lập đề án, xây dựng quy chế hoạt động và cơ chế hỗ trợ báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định để triển khai thực hiện, đồng thời báo cáo kết quả về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, bản, khu phố

1. Thôn, bản, khu phố chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã. Hoạt động của thôn, bản, khu phố phải tuân thủ pháp luật; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

2. Hoạt động của thôn, bản, khu phố phải bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Khu phố văn hóa”.

3. Không chia tách các thôn, bản, khu phố đang hoạt động ổn định để thành lập thôn, bản, khu phố mới; khuyến khích việc sáp nhập thôn, bản, khu phố nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, bản, khu phố.

4. Trường hợp không thành lập thôn, bản, khu phố mới theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào thôn, bản, khu phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, bản, khu phố, cụm dân cư.

5. Những người do thay đổi nơi ở, đến cư trú tại địa bàn của thôn, bản, khu phố mới phải đăng ký để sinh hoạt và chịu sự quản lý của thôn, bản, khu phố mới, đồng thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân tại thôn, bản, khu phố nơi cư trú mới.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, BẢN, KHU PHỐ

Điều 5. Tổ chức của thôn, bản, khu phố

1. Mỗi thôn, bản, khu phố có Trưởng thôn, bản, khu phố; 01 Phó Trưởng thôn, bản, khu phố và các tổ chức tự quản khác.

2. Trường hợp thôn, bản có trên 500 hộ gia đình, khu phố có trên 600 hộ gia đình hoặc có tính đặc thù địa bàn rộng, phức tạp... thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn, bản, khu phố theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 71/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “Về việc quy định số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với Phó thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh; Quy định phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, khu phố khi kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, khu phố”.

Điều 6. Nội dung hoạt động của thôn, bản, khu phố

1. Hoạt động của thôn, bản, khu phố nhằm quản lý công dân cư trú; giữ vững an ninh trật tự, phòng chống tội phạm; xóa đói giảm nghèo; giữ gìn vệ sinh môi trường tại địa bàn dân cư và thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh; trực tiếp tham gia công tác hòa giải ở thôn, bản, khu phố.

2. Cộng đồng dân cư thôn, bản, khu phố bản và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; bản và quyết định trực tiếp việc thực hiện các công việc tự quản không trái với quy định của pháp luật trong việc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, hiện đại, phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, xóa đói, giảm nghèo; thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; những công việc do cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên triển khai đối với thôn, bản, khu phố; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước; bảo đảm đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu "Thôn, bản văn hóa", "Khu phố văn hóa"; phòng chống các tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

3. Thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn; xây dựng, tổ chức thực hiện và thường xuyên bổ sung, sửa đổi quy chế, hương ước, quy ước của thôn, bản, khu phố cho phù hợp với từng địa bàn dân cư; tích cực tham gia cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

4. Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ thôn, bản, khu phố; củng cố và duy trì hoạt động có hiệu quả của các tổ chức tự quản khác của thôn, bản, khu phố theo quy định của pháp luật.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, bản, khu phố và Phó Trưởng thôn, bản, khu phố. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

6. Các nội dung hoạt động của thôn, bản, khu phố theo quy định tại Điều này được thực hiện thông qua hội nghị của thôn, bản, khu phố.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt, hội họp của thôn, bản, khu phố

1. Thời gian, chế độ sinh hoạt

a) Thôn, bản, khu phố sinh hoạt định kỳ hoặc bất thường bằng hình thức tổ chức Hội nghị. Hội nghị thôn, bản, khu phố được tổ chức mỗi năm 2 lần (thời gian tổ chức vào giữa năm và cuối năm); khi cần thiết có thể họp bất thường.

b) Trưởng thôn, bản, khu phố có trách nhiệm thông báo, đôn đốc, nhắc nhở các hộ gia đình tham gia đầy đủ các hội nghị của thôn, bản, khu phố nơi cư trú cũng như thực hiện tốt các nghĩa vụ theo quy định.

c) Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tham dự.

2. Thành phần tham dự sinh hoạt: Toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện cho hộ gia đình trong thôn, bản, khu phố. Hội nghị do Trưởng thôn, bản, khu phố triệu tập và chủ trì, mời đại diện Chi ủy Chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận,

công an phường phụ trách khu vực hoặc công an viên, thôn đội trưởng, dân quân tự vệ và đại diện các tổ chức tự quản khác của thôn, bản, khu phố.

3. Nội dung sinh hoạt

a) Thực hiện các nội dung hoạt động của thôn, bản, khu phố được quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b) Trưởng thôn, bản, khu phố báo cáo tình hình chung và kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng và năm của thôn, bản, khu phố, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới. Phổ biến lại nội dung tại cuộc họp giao ban với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; nội dung họp với Bí thư Chi bộ thôn, bản, khu phố.

c) Trưởng thôn, bản, khu phố có trách nhiệm giải đáp những nội dung theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và ghi nhận các ý kiến, kiến nghị của nhân dân trong thôn, bản, khu phố để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

d) Triển khai một số nội dung công việc để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

đ) Các vấn đề liên quan khác (nếu có).

Điều 8. Các biện pháp chế tài đối với hộ gia đình không tham gia sinh hoạt và không thực hiện tốt các nghĩa vụ tại thôn, bản, khu phố nơi cư trú

1. Đối với các hộ gia đình vắng sinh hoạt định kỳ 02 (hai) lần liên tiếp trở lên trong một năm thì Trưởng thôn, bản, khu phố trực tiếp gặp và nhắc nhở chủ hộ.

2. Trường hợp đã được nhắc nhở nhưng hộ gia đình đó vẫn vắng sinh hoạt hoặc không thực hiện đầy đủ hoặc thực hiện nhưng không kịp thời các nghĩa vụ theo quy định thì Trưởng thôn, bản, khu phố góp ý, phê bình trước cuộc họp và không đủ điều kiện để bình xét các danh hiệu thi đua.

3. Đối với trường hợp chủ hộ gia đình là cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị nếu vắng mặt không báo cáo lý do (hoặc không cử người có trách nhiệm trong hộ gia đình đại diện chủ hộ dự họp thay thế) 03 (ba) buổi sinh hoạt trong một năm hoặc không thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ theo quy định thì Trưởng thôn, bản, khu phố báo cáo Ủy ban nhân dân (đối với cán bộ, công chức, viên chức) và báo cáo Đảng ủy cấp xã (đối với đảng viên) để có văn bản gửi cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, đảng viên đó biết và xử lý theo quy định.

4. Báo cáo Chi ủy Chi bộ để ghi ý kiến vào nhận xét đảng viên về tham gia sinh hoạt nơi cư trú hoặc nhận xét khi thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ đối với các trường hợp tại khoản 3 Điều này (khi được cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ yêu cầu).

Điều 9. Điều kiện thành lập thôn, bản, khu phố mới

Giữ nguyên hiện trạng các thôn, bản, khu phố đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập trước đây, hiện đang hoạt động ổn định, có hiệu quả. Trong trường hợp thành lập thôn, bản, khu phố mới phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Về quy mô số hộ gia đình

a) Đối với thôn, bản: Ở vùng đồng bằng phải có từ 200 hộ gia đình trở lên; ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo phải có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Đối với khu phố: Ở vùng đồng bằng phải có từ 250 hộ gia đình trở lên, ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo phải có từ 150 hộ gia đình trở lên.

Trường hợp xã được cấp có thẩm quyền nâng cấp thành phường, thị trấn thì Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị chuyển các thôn, bản hiện có của xã thành khu phố thuộc phường, thị trấn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định công nhận chuyển đổi từ thôn, bản hiện có thành khu phố thuộc phường, thị trấn.

2. Các điều kiện khác

Thôn, bản, khu phố phải đảm bảo có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của xã, phường, thị trấn để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân. Đối với thôn phải đảm bảo diện tích đất ở và đất sản xuất bình quân của mỗi hộ gia đình ít nhất bằng mức bình quân chung của xã.

3. Các thôn, bản, khu phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dân dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới. Ở vùng núi cao, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa nơi có địa bàn rộng, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn... đòi hỏi phải thành lập thôn, bản, khu phố mới thì tiêu chí có thể thấp hơn các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Về quy mô số hộ gia đình: Đối với thôn, bản phải đảm bảo từ 50 hộ gia đình trở lên, khu phố phải đảm bảo từ 70 hộ gia đình trở lên.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn, bản, khu phố mới

1. Xin chủ trương và xây dựng Đề án thành lập thôn, bản, khu phố mới

Căn cứ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương; căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 4 và điều kiện thành lập thôn, bản, khu phố mới tại Điều 9 của Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương thành lập thôn, bản, khu phố mới.

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đồng ý chủ trương thành lập thôn, bản, khu phố mới; Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn, bản, khu phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết phải thành lập thôn, bản, khu phố mới.
- b) Tên gọi của thôn, bản, khu phố mới.
- c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, bản, khu phố mới (có tờ bản đồ khổ giấy A0 mô tả hiện trạng và vị trí địa lý).
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, bản, khu phố mới.
- đ) Diện tích tự nhiên của thôn, bản, khu phố mới (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là héc ta (ha).
- e) Các điều kiện khác quy định tại khoản 2, Điều 9 của Quy chế này.
- f) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn, bản, khu phố mới về Đề án thành lập thôn, bản, khu phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập thôn, bản, khu phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn, bản, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm theo hồ sơ thành lập thôn, bản, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định hồ sơ của Sở Nội vụ không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn, bản, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này).

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn, bản, khu phố mới. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập thôn, bản, khu phố mới.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, bản, khu phố

Thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn, bản, khu phố mới theo Điều 10 Quy chế này.

Điều 12. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có theo quy định tại khoản 4, Điều 4 của Quy chế này thì sau khi có Quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có. Nội dung của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có.
- b) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, bản, khu phố sau khi ghép (có tờ bản đồ khổ giấy A0 mô tả hiện trạng và vị trí địa lý).
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, bản, khu phố sau khi ghép.
- d) Diện tích tự nhiên của thôn, bản, khu phố sau khi ghép (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là héc ta (ha).
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, bản, khu phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc đại diện hộ gia đình cử tri trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (gửi về Phòng Nội vụ) gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.
- b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã gồm biên bản lấy ý kiến về Đề án của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình và Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3, Điều này).

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Phòng Nội vụ có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thông qua. Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Chương III **TRƯỞNG THÔN, BẢN, KHU PHỐ** **VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, BẢN, KHU PHỐ**

Điều 13. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, bản, khu phố và Phó Trưởng thôn, bản, khu phố

1. Phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, bản, khu phố.
2. Có độ tuổi từ đủ 21 tuổi trở lên và không quá 70 tuổi.
3. Có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.
4. Có kiến thức văn hóa, có năng lực, kinh nghiệm, uy tín và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, bản, khu phố

1. Nhiệm vụ
 - a) Bảo đảm các hoạt động của thôn, bản, khu phố theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này.
 - b) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, bản, khu phố; họp hoặc phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình các vấn đề theo quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13, Điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.
 - c) Triển khai thực hiện thu các loại quỹ theo quy định của pháp luật.
 - d) Thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư.
 - đ) Báo cáo kết quả công tác của thôn, bản, khu phố với Ủy ban nhân dân cấp xã tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân cấp xã, tại cuộc họp giao ban với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cuộc họp với Bí thư Chi bộ thôn, bản, khu phố; báo cáo kết quả công tác 6 tháng và năm trước hội nghị thôn, bản, khu phố.

2. Các nhiệm vụ phối hợp thực hiện

- a) Phối hợp Ban công tác Mặt trận
 - Vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp, chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

- Vận động và tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; thu thập, phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân cộng đồng dân cư với cấp ủy đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; động viên nhân dân giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức nhà nước.

b) Phối hợp Chi hội đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở cộng đồng dân cư

- Tổ chức nhân dân tham gia thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, phong trào “Dân vận khéo” và các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

- Giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp mới phát sinh trong nội bộ nhân dân ở thôn, bản, khu phố.

- Thực hiện các công việc có liên quan do cấp trên giao.

c) Phối hợp với lực lượng công an, quân sự

- Mời công an phường phụ trách khu vực hoặc công an viên tham gia các buổi sinh hoạt định kỳ của thôn, bản, khu phố.

- Phản ánh kịp thời cho công an phường phụ trách khu vực hoặc công an viên khi phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư.

- Phối hợp công an phường phụ trách khu vực hoặc công an viên, Ban bảo vệ dân phố, đội dân phòng để nắm tình hình báo cáo tại buổi sinh hoạt định kỳ nhằm tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao cảnh giác phòng chống mọi hoạt động của các loại tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ tại cộng đồng dân cư; hướng dẫn và nhắc nhở nhân dân thực hiện các quy định về quản lý hộ tịch, hộ khẩu

3. Quyền hạn

a) Được ký hợp đồng về dịch vụ phục vụ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng do thôn, bản, khu phố đầu tư đã được hội nghị thôn, bản, khu phố thông qua; được mời tham gia giám sát thi công các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đầu tư trên địa bàn thôn, bản, khu phố.

b) Được giới thiệu Phó Trưởng thôn, bản, khu phố giúp việc; trực tiếp phân công nhiệm vụ và quy định quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng thôn, bản, khu phố.

c) Được Ủy ban nhân dân cấp xã mời dự họp bàn và triển khai về các vấn đề có liên quan.

4. Trưởng thôn, bản, khu phố khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật phải kịp thời phản ánh với Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng công an hoặc cơ quan có thẩm quyền để lập biên bản xử lý theo pháp luật.

Điều 15. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, bản, khu phố và Phó trưởng thôn, bản, khu phố

1. Đề cử Trưởng thôn, bản, khu phố và giới thiệu Phó trưởng thôn, bản, khu phố

a) Ban công tác Mặt trận thôn, bản, khu phố dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, bản, khu phố sau đó báo cáo Chi ủy Chi bộ thôn, bản, khu phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử từ 01 đến 02 người.

b) Trưởng thôn, bản, khu phố giới thiệu đề cử Phó trưởng thôn, bản, khu phố sau khi thống nhất ý kiến với Ban công tác Mặt trận thôn, bản, khu phố.

2. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, bản, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó trưởng thôn, bản, khu phố thực hiện như đối với Trưởng thôn, bản, khu phố.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, bản, khu phố và Phó trưởng thôn, bản, khu phố

a) Trưởng thôn, bản, khu phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp thành lập hoặc sáp nhập thôn, bản, khu phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, bản, khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, bản, khu phố lâm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, bản, khu phố bầu được Trưởng thôn, bản, khu phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, bản, khu phố lâm thời.

b) Nhiệm kỳ của Phó trưởng thôn, bản, khu phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, bản, khu phố.

c) Sau khi hết nhiệm kỳ, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã các thôn, bản, khu phố tiến hành bầu cử lại Trưởng thôn, bản, khu phố theo quy định.

4. Trưởng, Phó Trưởng thôn, bản, khu phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận. Tùy theo điều kiện cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức công bố hoặc phân công cán bộ xã, phường, thị trấn hoặc Bí thư Chi bộ tại cộng đồng dân cư công bố trong cuộc họp của thôn, bản, khu phố.

Điều 16. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, bản, khu phố và Phó Trưởng thôn, bản, khu phố

1. Trưởng thôn, bản, khu phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, bản, khu phố và Phó Trưởng thôn, bản, khu phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành

xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Thẩm định hồ sơ xin chủ trương thành lập mới thôn, bản, khu phố mới của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập thôn, bản, khu phố mới sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.
3. Phối hợp Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phụ cấp hàng tháng cũng như các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng thôn, bản, khu phố và Phó trưởng thôn, bản, khu phố.
4. Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, định kỳ tổng hợp các kiến nghị liên quan đến hoạt động của thôn, bản, khu phố và đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế.

Điều 18. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

1. Lập hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) đối với việc thành lập mới, sáp nhập, giải thể, chia tách, đổi tên thôn, bản, khu phố.
2. Phân công lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực tiếp theo dõi, chỉ đạo hoạt động của các thôn, bản, khu phố.
3. Thay mặt Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố công nhận quy ước, hương ước của thôn, bản, khu phố.
4. Quyết định việc sáp nhập thôn, bản, khu phố; ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố.
5. Chỉ đạo việc thực hiện chi trả mức phụ cấp hàng tháng và các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng thôn, bản, khu phố; Phó Trưởng thôn, bản, khu phố và những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố theo quy định hiện hành.
6. Xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đối với Trưởng, Phó Trưởng thôn, bản, khu phố.
7. Định kỳ cuối năm (chậm nhất ngày 15 tháng 12 hàng năm) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) số lượng thôn, bản, khu phố; số lượng

người hoạt động không chuyên trách và hoạt động của thôn, bản, khu phố hoặc báo cáo đột xuất (theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền)

Điều 19. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng Đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, ghép cụm dân cư vào thôn, bản, khu phố hiện có trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Quyết định chỉ định Trưởng thôn, bản, khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, bản, khu phố mới; Quyết định công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng thôn, bản, khu phố, Phó trưởng thôn, bản, khu phố theo quy định.

3. Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, bản, khu phố theo quy định tại Quy chế này.

4. Chủ trì giao ban hàng tháng giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Trưởng thôn, bản, khu phố và công an xã, phường, thị trấn để nắm bắt thông tin, chỉ đạo kịp thời các hoạt động tại thôn, bản, khu phố.

5. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả hoạt động của thôn, bản, khu phố và các kiến nghị, đề xuất để cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

6. Tổng hợp danh sách, làm văn bản thông báo cho cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ đảng viên, công chức, viên chức theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Xử lý vi phạm

Những hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy